

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 29-8-2023

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Trịnh Thị Phúc

bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An

Bị đơn: ông Trương Hoàng T, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn, bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà và ông Trương Hoàng T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 13/02/2009. Bà và ông T sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2014 cho đến nay, bà và ông T còn sống chung, do cả hai không còn tình cảm nên bà đề nghị ly hôn với ông T

Bà và ông T 01 con chung tên Trương Minh T1, sinh ngày 27/8/2011, hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn, ông Trương Hoàng T đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

“[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ ly hôn với ông Trương Hoàng T

[2] Về Nuôi con chung: Giao bà Trần Thị Đ tiếp nuôi 01 người con chung tên Trương Minh T1nam, sinh ngày 27/8/2011. Ông Trương Hoàng T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về Tài sản chung: Bà Trần Thị Đ ông Trương Hoàng T có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Đ ông Trương Hoàng T có nợ chung”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Tại Quyết định kháng nghị số 76/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 06/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bà Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, ông Trương Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng nghị: Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần của bản án sơ thẩm về cách tuyên án về phần tài sản chung và nợ chung vì vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của nguyên đơn, bà Trần Thị Đ và bị đơn, ông Trương Hoàng T thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị về phần tài sản chung và nợ chung của bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại hai phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện, theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/8/2022, bà Trần Thị Đ xác định về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục số 15, 33). Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên xử về tài sản chung và nợ chung của bà Đ và ông T không có, là vượt quá phạm vi đơn khởi kiện của bà Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện quyền tố tụng của đương sự khác trong trường hợp phát sinh tranh chấp về nợ (nếu có), theo điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ. Lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cần nhận định về việc các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, không ghi trong phần quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử, nên cần sửa cách tuyên án phần này của bản án sơ thẩm, không giải quyết phần tài sản chung và nợ chung.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.
3. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An về cách tuyên án về phần tài sản chung và nợ chung.
4. Không giải quyết phần tài sản chung và nợ chung của bà Trần Thị Đ và ông Trương Hoàng T do các đương sự không có yêu cầu khởi kiện.
5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người

phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục